

TỜ TRÌNH **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH** **VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. Môi trường kinh doanh

1. Các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD của Tổng công ty

- Trong năm 2025, bối cảnh tình hình vĩ mô trên thế giới có nhiều điểm bất ổn. Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp như xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine kéo dài; các vấn đề về thuế quan của Mỹ diễn biến phức tạp và FED giảm lãi suất chậm hơn dự kiến; Tình hình khu vực Trung Đông vẫn phức tạp; môi trường vĩ mô trong nước có nhiều thuận lợi như kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tăng trưởng tương đối khả quan, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới.

- Giá dầu Jet A1 bình quân năm 2025 ở mức 86,75 USD/thùng, cao hơn 2,14 USD so với KH, chi phí nhiên liệu tăng 660 tỷ đồng do giá. Cơ cấu chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 30% tổng chi phí khai thác của Tổng công ty Hàng không Việt Nam (TCT).

- Việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và vấn đề triệu hồi động cơ của Pratt Whitney khiến giá thuê tàu, vật tư phụ tùng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng cao.

2. Thị trường vận tải hàng không

Về tình hình tổng thị trường đi/đến Việt Nam, khách tổng thị trường quốc tế đạt 46,3 triệu khách, tăng 12,8% so CK. Động lực tăng trưởng là các nhóm đường bay Châu Âu (Đức, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ), Nhật Bản, Ấn Độ, Hồng Kông.

Khách tổng thị trường nội địa đạt 36,6 triệu khách, tăng 6,5% so CK. Hầu hết các nhóm đường bay có mức tăng trưởng tốt so cùng kỳ. Trong đó, hai đường bay HAN/SGN - DAD tăng 11% - 15%, các nhóm đường bay khác tăng 4% - 10%.

II. Giải pháp điều hành

Trong điều kiện vĩ mô như trên, TCT đã triển khai nhiều giải pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khai thác, cải thiện năng lực quản trị, điều hành lịch bay, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của hành

khách trên cơ sở đảm bảo hiệu quả SXKD bám sát hoặc tốt hơn so với KH đề ra, bao gồm:

Thứ nhất: Công tác điều hành sản xuất, thường xuyên cập nhật thị trường, liên tục rà soát sản phẩm trên các đường bay quốc tế và nội địa để đưa ra các khuyến nghị, giải pháp điều hành; linh hoạt điều chỉnh sản phẩm trên cơ sở mục tiêu đảm bảo thị phần, hiệu quả, cân đối các vấn đề nguồn lực tàu bay, slot lịch sử và slot được xác nhận; Mở rộng thêm mạng bay quốc tế; tiếp tục nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, qua đó giờ bay/tàu/ngày đạt 11,8 giờ, tăng 8% so cùng kỳ.

Thứ hai: Công tác lao động tiền lương, triển khai công tác tổ chức theo Đề án Tái cơ cấu; Rà soát, kiện toàn, điều chỉnh tổ chức CQ, ĐV đáp ứng yêu cầu SXKD của TCT: tổ chức Ban An ninh Hàng không; Xây dựng phương án thành lập CN Philippines và Italia, tái cơ cấu tổ chức CNVN và Tạp chí Heritage.

Thứ ba: Quản trị tối ưu hóa chi phí, tiếp tục thực hiện việc tăng cường quản trị, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đặc biệt là đội máy bay để nâng cao hiệu quả SXKD.

Thứ tư: Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, đàm phán giãn hoãn thanh toán, Đến cuối tháng 9/2025, VNA hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn giai đoạn 1 theo NQ 174/2024/QH15 giúp bổ sung vốn điều lệ và dòng tiền 8.971 tỷ đồng và từ quý 4/2025 bắt đầu triển khai giải ngân tiền thu tăng vốn để thanh toán các khoản theo quy định (số giải ngân thanh toán trong năm 2025 từ nguồn tăng vốn 1.522 tỷ đồng). Tại thời điểm cuối năm 2025, VNA không còn nợ vay ngắn hạn thương mại và cơ bản trả hết các khoản nợ nhà cung cấp quá hạn đã được thống nhất lịch trả nợ trong năm 2025.

III. Kết quả thực hiện

1. Vận tải hàng không

Trong năm 2025, TCT đã đạt và vượt kế hoạch ở tất cả các chỉ tiêu liên quan đến sản lượng vận chuyển. Theo đó, TCT khai thác 156,2 nghìn chuyến bay, tương đương KH và tăng 11,8% so 2024. Sản lượng khách vận chuyển đạt 25,65 triệu lượt hành khách, vượt 1% so KH và tăng 11,7% so 2024, Trong đó, sản lượng khách quốc tế đạt 8,64 triệu khách (bao gồm thuê chuyên), vượt 1,5% so KH và tăng 16% so 2024; sản lượng khách nội địa 17,01 triệu khách, vượt 0,7% so KH và tăng 9,6% so 2024.

2. Kết quả tài chính

Nhờ thị trường VTHK diễn biến tương đối khả quan trong năm 2025 cùng các nỗ lực trong điều hành và thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng hiệu quả SXKD và lợi nhuận, Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 của công ty mẹ đạt 98.059 tỷ đồng, tăng 15,1% so với năm 2024, tương đương mức tăng 12.827 tỷ đồng. Tính chung cả năm 2025, công ty mẹ đạt lợi nhuận trước thuế 5.427 tỷ đồng, tăng hiệu quả so với năm 2024 là 2.640 tỷ đồng, tương đương mức tăng 94,7%; vượt kế hoạch 30,2%, tương ứng 1.259 tỷ đồng.

3. Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư

Kế hoạch ĐTPT năm 2025 của TCT đã được HĐQT phê duyệt tại QĐ 1287/QĐ-HĐQT/TCTHK ngày 03/7/2025 với tổng kinh phí 2.090,0 tỷ đồng. Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư năm 2025 là 752,3 tỷ đồng (đạt 36% so với KH). Kết quả thực hiện: Đối với dự án THĐT, giá trị giải ngân năm 2025 là 743,6 tỷ đồng (đạt 66,2% KH); đối với dự án CBĐT, có 11 dự án TTB được phê duyệt đầu tư với giá trị giải ngân năm 2025 là 8,7 tỷ đồng (đạt 1% KH), các dự án khác đang tiếp tục triển khai. Việc chậm giải ngân đầu tư do một số dự án lớn chưa triển khai được trong năm 2025 như dự án chuyển đổi cấu hình tàu bay A321CEO chậm vì thời gian phê chuẩn, cấp phép của Nhà chức trách hàng không Châu Âu (EASA) bị kéo dài; chậm tăng vốn tại SKYPEC vì tiến độ dự án đầu tư.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu ĐHCĐ giao năm 2025

Bảng 1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu ĐHCĐ 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2025	TH 2025	TH/KH
1.	Hành khách vận chuyển	Triệu khách	25,39	25,65	101,0%
2.	Hành khách luân chuyển	Tỷ khách.km	41,84	42,74	102,2%
3.	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	343,9	340,2	98,9%
4.	Hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.km	1.126,8	1.127,6	100,1%
5.	Tấn luân chuyển (RTK)	Tỷ tấn.km	4,89	4,94	101,0%
6.	Doanh thu				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2025	TH 2025	TH/KH
6.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	116.715	123.858	106,1%
6.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	93.283	98.059	105,1%
7	Lợi nhuận trước thuế				
7.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	5.554	8.168	147,1%
7.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4.168	5.427	130,2%
8	Lợi nhuận sau thuế				
8.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	5.119	7.607	148,6%
8.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4.168	5.427	130,2%
9	Tổng kinh phí đầu tư	Tỷ đồng	2.090,0	752,3	36,0%

B. KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. Môi trường kinh doanh và định hướng xây dựng kế hoạch

1. Các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD

1.1. Trong nước: có nhiều tín hiệu thuận lợi

- Kinh tế vĩ mô trong nước duy trì sự ổn định với các xung lực thể chế mới, tạo không gian lớn cho doanh nghiệp chủ động chuyển đổi quy trình vận hành.

+ Thị trường vận tải hàng không ghi nhận tín hiệu tăng trưởng tích cực; Tổng 4 tháng đầu năm 2026, Việt Nam đón 8,8 triệu lượt khách quốc tế (tăng 14,6% so với cùng kỳ - CK). Ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu đón 25 triệu lượt khách quốc tế, tăng 17,9% so với năm 2025.

1.2 Quốc tế: Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp bất định khó lường

- Khủng hoảng địa chính trị Trung Đông và Cú sốc giá nhiên liệu bay (Jet A-1); dự kiến 6 tháng cuối năm với giá Jet A-1 bình quân khoảng 120 USD/thùng (bình quân cả năm đạt 128,54 USD/thùng, tăng 41,79 USD/thùng so với năm 2025, tương đương 48%). Nếu xét riêng yếu tố ảnh hưởng của giá nhiên liệu (không tính các yếu tố sản lượng, tỷ giá), chi phí nhiên liệu phát sinh thêm 11,9 nghìn tỷ VNĐ so năm 2025.

- Biến động đồng VND mất giá so với USD, các đồng tiền ngoại tệ lớn thay đổi đa cực (có tăng, có giảm).

- Mặt bằng giá mới của chi phí kỹ thuật, khai thác và Logistics toàn cầu

- Áp lực chi phí chuyển đổi xanh và tuân thủ môi trường quốc tế. Việc áp dụng các quy định nghiêm ngặt về việc sử dụng Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) tại một số thị trường trọng điểm, kết hợp với việc Việt Nam chính thức tham gia Chương trình giảm thiểu carbon đối với các chuyến bay quốc tế (CORSIA) từ năm 2026, sẽ làm phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ bắt buộc, tạo thêm áp lực lên biên lợi nhuận của TCT.

2. Thị trường vận tải hàng không

Về thị trường hàng không đi/đến Việt Nam, sản lượng khách vận chuyển dự kiến tiếp tục tăng trưởng tốt so cùng kỳ. Khách tổng thị trường quốc tế (bao gồm thuê chuyên) dự kiến đạt 50,5 triệu khách, tăng 13% so 2025.

Khách tổng thị trường nội địa dự báo đạt 40,1 triệu khách, tăng 9,7% so 2025. Tuy nhiên các hãng đều có động thái bổ sung tàu bay để tăng thêm thị phần, dự

kiến tải tổng thị trường tăng 20% so cùng kỳ và sẽ xảy ra tình trạng dư thừa tải cung ứng.

II. Kế hoạch SXKD năm 2026

1. Vận tải hàng không

Trên cơ sở đánh giá về tính khả thi của nguồn lực tàu bay và tình hình thị trường, TCT xây dựng KH SXKD 2026 như sau:

1.1 Kế hoạch sản phẩm

a. Quốc tế

Với cơ sở nhận định tổng thị trường như đã nêu trên, cùng với mục tiêu tiếp tục mở rộng mạng bay quốc tế, TCT đã đưa vào KH 2026 các sản phẩm mới như mở rộng mạng bay Châu Âu (Copenhagen – Đan Mạch, Amsterdam – Hà Lan); tăng tần suất, tải đi đến Nhật bản, Đài loan (Tokyo, Osaka, Nagoya, Seoul, Kiaohsung); mở mới một số đường bay Đông Nam, Nam Á (Hà Nội - Cebu, TP HCM - Phuket, TP HCM - Colombo); tăng tần suất, tải trên các đường bay Đông Nam Á, Úc.

b. Nội địa

Đối với mạng đường bay nội địa: Trước diễn biến của thị trường và tình trạng thiếu hụt nguồn lực tàu bay, TCT chủ động điều chỉnh tần suất khai thác bám sát nhu cầu thực tế, tối ưu hóa hiệu quả thương mại và bảo vệ vững chắc các sản phẩm cốt lõi của mạng bay nội địa, Trong đó, duy trì, giữ thị phần chính của VNA Group trên các đường bay trực; tiếp tục tăng tải đường bay Du lịch; điều hành tải linh hoạt nhằm đảm bảo hiệu quả.

1.3 Sản lượng vận chuyển

Dự kiến năm 2026, TCTHK vận chuyển 27,73 triệu lượt hành khách, tăng 8,1% so cùng kỳ; tấn luân chuyển đạt 5,55 tỷ tấn.km, tăng 12,3% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng khách quốc tế đạt 9,8 triệu khách (bao gồm thuê chuyến), tăng 13,4% so cùng; tấn luân chuyển quốc tế đạt 4,19 tỷ tấn.km, tăng 15,6% so cùng kỳ. Sản lượng khách nội địa năm đạt 17,93 triệu khách, tăng 5,5% so cùng kỳ; tấn luân chuyển nội địa đạt 1,36 tỷ tấn.km, tăng 3,2% so cùng kỳ.

2. Kế hoạch tài chính

Nhìn chung, trong quý I/2026, Tổng công ty duy trì đà tăng trưởng tích cực, với lợi nhuận trước thuế công ty mẹ ước đạt 3.948 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ tháng 4/2026, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu tác động nghiêm trọng từ việc giá

nhiên liệu bay tăng cao do diễn biến xung đột tại Trung Đông, làm gia tăng đáng kể chi phí đầu vào và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.

Trước bối cảnh đó, Tổng công ty đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tác động bất lợi, bao gồm rà soát và tối ưu mạng đường bay; cắt giảm, giãn và hoãn các khoản chi phí chưa cấp thiết; tận dụng cơ hội gia tăng doanh thu từ nhu cầu vận chuyển phát sinh khi một số hãng hàng không Trung Đông tạm dừng khai thác; tăng cường quản trị doanh thu để bù đắp một phần chi phí nhiên liệu; đồng thời tích cực kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước xem xét, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp.

Trên cơ sở giả định giá nhiên liệu bay bình quân 6 tháng cuối năm duy trì ở mức khoảng 120 USD/thùng, Tổng công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2026 của công ty mẹ đạt khoảng 101 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt khoảng 510 tỷ đồng. Mặc dù thấp hơn đáng kể so với kết quả đạt được trong quý I, đây vẫn là kết quả thể hiện nỗ lực rất lớn của Tổng công ty trong công tác điều hành, quản trị, tối ưu hóa chi phí và ứng phó với những biến động bất lợi của thị trường, trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng mạnh do giá nhiên liệu, tỷ giá, gián đoạn chuỗi cung ứng, cùng nhiều yếu tố rủi ro khác như biến động địa chính trị, chính sách thị thực của các quốc gia, áp lực cạnh tranh trên thị trường hàng không và nguy cơ dịch bệnh.

Đến thời điểm tháng 6/2026, sau khi Mỹ và Iran đạt được thỏa thuận ngừng bắn và eo biển Hormuz được mở lại, giá nhiên liệu bay trên thị trường đã giảm xuống khoảng 112–115 USD/thùng. Diễn biến này là tín hiệu tích cực, tạo điều kiện thuận lợi hơn để Tổng công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Bảng 2. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2026

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH2026	KH2026 / TH2025 (%)
1	Kết quả SXKD hợp nhất			
	Doanh thu	123.858	138.899	112,1%
	Chi phí	115.690	138.389	119,6%
	LNTT	8.168	510	6,2%
	LNST	7.607	22	0,3%

2	Kết quả SXKD mẹ			
	Doanh thu	98.059	115.045	117,3%
	Chi phí	92.632	114.944	124,1%
	LNTT	5.427	101	1,9%
	LNST	5.427	101	1,9%

Dư tiền cuối kỳ dự kiến khoảng 10.425 tỷ VND, khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức 0,4; TCT không phải vay ngắn hạn và cơ bản thanh toán hết các khoản nợ quá hạn đã đạt được thống nhất với nhà cung cấp.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển

Tổng giá trị kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 là 5.228,7 tỷ đồng, bao gồm các nhóm nội dung sau:

- Đầu tư tàu bay (04 dự án): gồm 02 dự án đang thực hiện đầu tư (đã có quyết định đầu tư) và 02 dự án chuẩn bị đầu tư, với tổng nhu cầu vốn năm 2026 là 2.709,8 tỷ đồng, trong đó vốn chuẩn bị đầu tư 2,7 tỷ đồng, vốn thực hiện đầu tư 2.707,1 tỷ đồng, chiếm 51,8% tổng kế hoạch. Trong năm 2026, Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư 20–30 tàu bay thân rộng giai đoạn 2031–2035; đồng thời triển khai phương án thuê 12 tàu bay thân rộng nhằm bổ sung năng lực khai thác giai đoạn 2028–2030.

- Đầu tư xây dựng (14 dự án và 06 hạng mục quy hoạch): gồm 01 dự án đang thực hiện đầu tư (bố trí vốn quyết toán dự án), 13 dự án chuẩn bị đầu tư và 06 hạng mục lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500, với tổng nhu cầu vốn 382,7 tỷ đồng, trong đó vốn chuẩn bị đầu tư 55,4 tỷ đồng, vốn thực hiện đầu tư 327,3 tỷ đồng, chiếm 7,3% tổng kế hoạch.

- Đầu tư trang thiết bị (37 dự án): gồm 09 dự án đang thực hiện đầu tư và 28 dự án chuẩn bị đầu tư, với tổng nhu cầu vốn 446,5 tỷ đồng, chiếm 8,5% tổng kế hoạch.

- Đầu tư tài chính: dự kiến góp vốn bổ sung vào một số doanh nghiệp với tổng giá trị 1.779,7 tỷ đồng, trong đó góp vốn bằng tiền 1.689,7 tỷ đồng (chiếm 32,3% tổng kế hoạch) và góp vốn từ quỹ của doanh nghiệp hoặc nhận cổ tức bằng cổ phiếu 90,0 tỷ đồng. Đồng thời, Tổng công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021 - 2025 đã được ĐHĐCĐ 2025 phê duyệt nhưng chưa hoàn thành.

4. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Bảng 3. Các chỉ tiêu kế hoạch 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2026	KH2026/ TH2025
1.	Khách vận chuyển	Triệu khách	27,73	108,1%
2.	Khách luân chuyển	Tỷ kh.km	47,72	111,6%
3.	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	361,4	106,2%
4.	Hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.km	1.252,2	111,0%
5.	Tấn luân chuyển (RTK)	Tỷ tấn.km	5,55	112,3%
6.	Doanh thu			
6.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	138.899	112,1%
6.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	115.045	117,3%
7.	Lợi nhuận trước thuế			
7.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	510	6,2%
7.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	101	1,9%
8.	Lợi nhuận sau thuế			
8.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	22	0,3%
8.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	101	1,9%
9.	Tổng kinh phí đầu tư	Tỷ đồng	5.228,7	695,0%

5. Về chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045

Hội đồng quản trị đang chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu tiếp tục củng cố vai trò của Vietnam Airlines là Hãng hàng không quốc gia, doanh nghiệp nòng cốt, giữ vai trò dẫn dắt ngành hàng không Việt Nam;

nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực và quốc tế, phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Sau khi hoàn thiện, Chiến lược sẽ được trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

C. KIẾN NGHỊ

Căn cứ các nội dung đã báo cáo, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2026	KH2026/ TH2025
1.	Tần luân chuyên (RTK)	Tỷ tấn.km	5,55	112,3%
2.	Doanh thu			
2.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	138.899	112,1%
2.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	115.045	117,3%
3.	Lợi nhuận trước thuế			
3.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	510	6,2%
3.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	101	1,9%
4.	Lợi nhuận sau thuế			
4.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	22	0,3%
4.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	101	1,9%

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 của Tổng công ty với tổng nhu cầu vốn đầu tư là 5.228,7 tỷ đồng: tập trung triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, trong đó ưu tiên đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư đội tàu bay thân rộng và các dự án tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình cùng các dự án quan trọng khác.

3. Thông qua phương án quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 đối với người lao động, Ban điều hành, HĐQT và Ban kiểm soát đồng thời thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 theo quy định.

4. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, điều chỉnh KH SXKD năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và chủ động thích ứng với các biến động của môi trường kinh doanh; đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện.